

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 01/2019
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 370/QĐ-ĐHCT KÝ NGÀY 19/2/2019

Stt	SVS_G CN	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Điểm TB	Xếp loại	Kí nhận
1	0001	CB1232N053	Hứa Ngọc Lan	25/08/1992	N	CB1232N2	Luật	2	Trung bình	
2	0002	CB1232N066	Phan Thị Ngọc Mai	22/10/1989	N	CB1232N2	Luật	2.06	Trung bình	
3	0003	CB1232N199	Lâm Thị Trúc Mai	06/02/1993	N	CB1232N2	Luật	2.07	Trung bình	
4	0004	CB1332N130	Danh Quận	1987		CB1332N1	Luật	2.18	Trung bình	
5	0005	CB1332N158	Nguyễn Thị Mỹ Trân	22/04/1994	N	CB1332N1	Luật	2.13	Trung bình	
1	0006	CD1432M015	Đào Đặng Quốc Đức	06/02/1983		CD1432M1	Luật	2.01	Trung bình	
2	0007	CD1432M018	Võ Thị Ngọc Giàu	1989	N	CD1432N1	Luật	2.08	Trung bình	
3	0008	CD1432M022	Phạm Thị Xuân Hoa	23/04/1988	N	CD1432M1	Luật	2.06	Trung bình	
4	0009	CD1432M033	Trần Chi Lê	19/10/1987		CD1432M1	Luật	2.17	Trung bình	
5	0010	CD1432M041	Lê Ngọc Lý	1987		CD1432M1	Luật	2.05	Trung bình	
6	0011	CD1432M043	Trần Nguyễn Khải Minh	24/01/1992		CD1432M1	Luật	2.1	Trung bình	
7	0012	CD1432M076	Nguyễn Minh Sướng	17/01/1990		CD1432M1	Luật	2.25	Trung bình	
8	0013	CD1432M100	Phan Thị Mỹ Tiên	06/07/1995	N	CD1432M1	Luật	2.22	Trung bình	
9	0014	CD1432M106	Nguyễn Minh Trí	15/05/1988		CD1432M1	Luật	2.08	Trung bình	
10	0015	CD1432Q019	Lê Thành Lâm	11/02/1974		CD1432Q1	Luật	2.6	Khá	
11	0016	CD1532Q072	Phạm Minh Phụng	01/08/1977		CD1532Q1	Luật	2.3	Trung bình	
1	0017	CK1121M028	Lê Thị Thu Ngân	09/06/1993	N	CK1121M1	Tài chính - Ngân hàng	2.27	Trung bình	
2	0018	CK1467K511	Nguyễn Trần Ngọc Hiếu	30/06/1993		CK1467K1	Thú y	2.97	Khá	

3	0019	CK1567K518	Lê Thị Kế Nguyên	29/12/1993	N	CK1567K1	Thú y	2.98	Khá	
4	0020	CK15V7K515	Nguyễn Trọng Nghĩa	25/05/1977		CK15V7K1	Công nghệ thông tin	2.49	Trung bình	
5	0021	CK15V7K526	Trương Văn Thích	01/01/1993		CK15V7K1	Công nghệ thông tin	2.29	Trung bình	
6	0022	CK15V7K530	Đặng Huỳnh Anh Triết	26/07/1988		CK15V7K1	Công nghệ thông tin	2.09	Trung bình	
7	0023	CK1621K030	Nguyễn Hoàng Việt	25/05/1994		CK1621K1	Tài chính - Ngân hàng	2.5	Khá	
8	0024	CK1622K003	Nguyễn Phi Hùng	14/01/1994		CK1622K1	Quản trị kinh doanh	2.15	Trung bình	
9	0025	CK1622K007	Nguyễn Thanh Long	23/09/1994		CK1622K1	Quản trị kinh doanh	2.96	Khá	
10	0026	CK1622K013	Đoàn Thị Thọ	19/01/1995	N	CK1622K1	Quản trị kinh doanh	2.52	Khá	
1	0027	CM1057N046	Nguyễn Thanh Phong	02/04/1992		CM1057N1	Kỹ thuật môi trường	2.19	Trung bình	
2	0028	CM1484N001	Nguyễn Văn Bảo	10/10/1983		CM1484N1	Kỹ thuật cơ khí	2.78	Khá	
1	0029	CP1532H528	Huỳnh Hồng Liên	15/05/1985	N	CP1532H1	Luật	2.07	Trung bình	
1	0030	CT1108M023	Trương Trường Sơn	21/08/1993		CT1108M1	Công nghệ thực phẩm	2.29	Trung bình	
2	0031	CT1132M210	Nguyễn Trung Quốc	19/11/1988		CT1132M2	Luật	2.02	Trung bình	
3	0032	CT1232N093	Nguyễn Minh Sang	30/07/1988		CT1232N1	Luật	2.03	Trung bình	
4	0033	CT1308M034	Đinh Thị Thu Ngân	15/06/1994	N	CT1308M1	Công nghệ thực phẩm	2.12	Trung bình	
5	0034	CT1332N024	Nguyễn Thị Cẩm Giang	30/06/1988	N	CT1332N1	Luật	2.25	Trung bình	
6	0035	CT1332N032	Phạm Trung Hiếu	20/10/1983		CT1332N1	Luật	2.02	Trung bình	
7	0036	CT1332N123	Lê Thành Xuyên	19/12/1992		CT1332N1	Luật	2.02	Trung bình	
8	0037	CT1332N519	Lâm Thị Hồng Muội	19/06/1995	N	CT1332N2	Luật	2.04	Trung bình	
9	0038	CT1332N594	Nguyễn Thị Thu Loan	29/08/1994	N	CT1332N2	Luật	2.01	Trung bình	
10	0039	CT1332N664	Nguyễn Xuân Trí	12/09/1982		CT1332N2	Luật	2.22	Trung bình	
11	0040	CT1332N749	Nguyễn Trung Kiên	09/02/1983		CT1332N3	Luật	2.27	Trung bình	

1	0041	DC1232N018	Nguyễn Điền Giang	22/10/1976		DC1232N1	Luật	2.22	Trung bình	
2	0042	DC1232N051	Vũ Duy Tân	23/09/1989		DC1232N1	Luật	2.18	Trung bình	
1	0043	DC1322M016	Nhan Chí Cường	01/08/1994		DC1322M1	Quản trị kinh doanh	2.64	Khá	
2	0044	DC1322M023	Huỳnh Chí Khang	18/12/1995		DC1322M1	Quản trị kinh doanh	2.06	Trung bình	
3	0045	DC1332M032	Lê Hoàng Tâm	07/03/1993		DC1332M1	Luật	2.13	Trung bình	
4	0046	DC1332M040	Thái Hồng Thư	16/06/1993	N	DC1332N1	Luật	2.11	Trung bình	
5	0047	DC1332M078	Vô Thị Tuyết Lan	16/07/1994	N	DC1332M1	Luật	2.11	Trung bình	
6	0048	DC1332M096	Lê Hoàng Phong	10/01/1984		DC1332N1	Luật	2.28	Trung bình	
1	0049	DC1362M028	Lê Mộng Nhi	05/10/1995	N	DC1362M1	Kỹ thuật công trình xây dựng	2.66	Khá	
2	0050	DC1362M035	Trần Vi Tân	30/05/1995		DC1362M1	Kỹ thuật công trình xây dựng	2.27	Trung bình	
3	0051	DC1421K016	Trần Lê Đình Tuấn	05/10/1992		DC1321K2	Tài chính - Ngân hàng	2.16	Trung bình	
7	0052	DC1432M007	Lý Hồng Nhung	16/07/1995	N	DC1332M1	Luật	2.11	Trung bình	
8	0053	DC1432Q505	Nguyễn Võ Trúc Linh	11/10/1990	N	DC1432Q2	Luật	2.53	Khá	
4	0054	DC1520H522	Huỳnh Thị Bích Tuyền	20/08/1987	N	DC1520H1	Kế toán	2.5	Khá	
5	0055	DC1520K541	Tiêu Công Khánh Ngọc	25/05/1986	N	DC1520K2	Kế toán	2.27	Trung bình	
6	0056	DC1520K570	Mai Việt Trinh	14/09/1993	N	DC1520K2	Kế toán	2.62	Khá	
7	0057	DC1522H504	Lê Mộng Cửa	19/10/1984	N	DC1522H1	Quản trị kinh doanh	3.27	Giỏi	
8	0058	DC1522H518	Huỳnh Thanh Nguyên	27/08/1991	N	DC1522H1	Quản trị kinh doanh	3.14	Khá	
9	0059	DC1522H527	Trần Thị Thanh Vân	03/01/1977	N	DC1522H1	Quản trị kinh doanh	2.98	Khá	
10	0060	DC1522K526	Trần Thanh Tiền	20/06/1993		DC1522K2	Quản trị kinh doanh	2.58	Khá	
11	0061	DC1522K528	Nguyễn Đình Trãi	29/10/1990		DC1522K2	Quản trị kinh doanh	2.01	Trung bình	
12	0062	DC1522K529	Huỳnh Phạm Thùy Trang	28/04/1994	N	DC1522K2	Quản trị kinh doanh	2.38	Trung bình	

9	0063	DC1532H515	Nguyễn Trường Giang	12/01/1988		DC1532H1	Luật	2.36	Trung bình	
10	0064	DC1532H516	Trần Ngọc Giao	01/05/1979		DC1532H1	Luật	2.46	Trung bình	
11	0065	DC1532H538	Giang Minh Tấn	20/02/1989		DC1532H1	Luật	2.23	Trung bình	
12	0066	DC1532Q028	Nguyễn Minh Tâm	30/08/1984		DC1532Q1	Luật	2.91	Khá	
1	0067	DC15V1H515	Huỳnh Văn Huyện	1988		DC15V1H1	Ngôn ngữ Anh	2.32	Trung bình	
1	0068	DC15V7K510	Nguyễn Ngọc Mai	06/08/1990	N	DC15V7K2	Công nghệ thông tin	2.8	Khá	
1	0069	DC15X7K503	Phạm Quốc Đạt	07/10/1994		DC15X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường	2.65	Khá	
2	0070	DC15X7K526	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	01/12/1991	N	DC15X7K1	Quản lý tài nguyên và môi trường	2.56	Khá	
13	0071	DC1620K050	Nguyễn Thanh Tuyền	15/09/1992	N	DC1620K1	Kế toán	2.05	Trung bình	
1	0072	DG1332N031	Huỳnh Thị Ngọc Hân	28/10/1993	N	DG1332N1	Luật	2.34	Trung bình	
2	0073	DG14X1K550	Đỗ Thị Lê Triều	23/12/1992	N	DG14X1K1	Sư phạm Tiếng Anh	3.1	Khá	
3	0074	DG1532Q057	Nguyễn Đức Vĩnh	15/12/1984		DG1532Q1	Luật	2.35	Trung bình	
1	0075	GC1532Q014	Nguyễn Văn Danh	06/06/1977		GC1532Q1	Luật	2.26	Trung bình	
2	0076	GC1532Q073	Đặng Minh Luận	09/09/1975		GC1532Q1	Luật	2.17	Trung bình	
3	0077	GC1532Q085	Cao Chí Nguyên	21/04/1988		GC1532Q1	Luật	2.22	Trung bình	
4	0078	GC1532Q166	Thái Thị Kim Dung	09/02/1989	N	GC1532Q1	Luật	2.21	Trung bình	
5	0079	GC1532Q182	Nguyễn Minh Phụng	11/07/1990		GC1532Q1	Luật	2.33	Trung bình	
1	0080	GK1332M030	Nguyễn Trọng Huân	07/07/1970		GK1332M1	Luật	2.03	Trung bình	
2	0081	GK1332N001	Nguyễn Văn Đảm	05/02/1988		GK1332N1	Luật	2.16	Trung bình	
3	0082	GK1332N007	Trần Thị Tú Anh	22/03/1977	N	GK1332N1	Luật	2.2	Trung bình	
4	0083	GK1332N011	Lê Thành Công	01/01/1988		GK1332N1	Luật	2.15	Trung bình	
5	0084	GK1332N023	Nguyễn Trường Giang	16/03/1984		GK1332N1	Luật	2.26	Trung bình	

6	0085	GK1332N065	Dương Văn Tài	17/02/1987		GK1332N1	Luật	2.1	Trung bình	
7	0086	GK1332N077	Mai Văn Thiêm	10/08/1982		GK1332N1	Luật	2.1	Trung bình	
1	0087	KG1232N050	Nguyễn Văn Khoa	21/08/1988		KG1232N1	Luật	2.05	Trung bình	
2	0088	KG1332N577	Đào Thị Mỹ Viện	19/03/1995	N	KG1332N2	Luật	2.02	Trung bình	
3	0089	KG1332N586	Trần Thị Mỹ Duyên	15/10/1994	N	KG1332N2	Luật	2.14	Trung bình	
4	0090	KG1332N778	Lê Thuận Phước	25/11/1993		KG1332N2	Luật	2	Trung bình	
5	0091	KG1332Q015	Đặng Minh Chí	22/01/1981		KG1332Q1	Luật	2.02	Trung bình	
6	0092	KG1422K519	Trần Chí Nguyên	15/02/1988		KG1422K1	Quản trị kinh doanh	2.25	Trung bình	
7	0093	KG1532Q012	Lê Kiêm Huy	19/09/1984	N	KG1532Q1	Luật	2.2	Trung bình	
8	0094	KG1532Q026	Phan Hoàng Nhựt	20/10/1975		KG1532Q1	Luật	2.31	Trung bình	
9	0095	KG15V1H506	Văng Kiến Được	01/01/1978		KG15V1H1	Ngôn ngữ Anh	2.95	Khá	
1	0096	ND1520K515	Nguyễn Trọng Nhân	01/01/1991		ND1520K1	Kế toán	2.83	Khá	
1	0097	ST1132M100	Nguyễn Duy Khương	15/10/1989		ST1132M1	Luật	2.01	Trung bình	
2	0098	ST1220N037	Hứa Lệ Trinh	05/06/1994	N	ST1220N1	Kế toán	2.3	Trung bình	
3	0099	ST1220N040	Trần Kim Yều	22/10/1993	N	ST1220N1	Kế toán	2.07	Trung bình	
4	0100	ST1290N057	Nguyễn Hoàng Tùng	20/11/1980		ST1290N1	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	2.28	Trung bình	
5	0101	ST1322M005	Trần Đoàn Minh Duy	14/07/1991		ST1322M1	Quản trị kinh doanh	2.4	Trung bình	
6	0102	ST1420P003	Trần Việt Cường	01/02/1989		ST1420P1	Kế toán	2.56	Khá	
7	0103	ST1420P009	Nguyễn Thị Thu Hà	20/05/1990	N	ST1420P1	Kế toán	2.47	Trung bình	
8	0104	ST1432M370	Mai Văn Thông	13/01/1988		ST1432P3	Luật	2	Trung bình	
9	0105	ST1432P012	Lâm Pu Chanh Đa	07/07/1989		ST1432P1	Luật	2.02	Trung bình	
10	0106	ST1432P022	Lê Thanh Hùng	19/04/1987		ST1432P1	Luật	2	Trung bình	

11	0107	ST1432P032	Trang Thị Thanh Liễu	29/07/1992	N	ST1432P1	Luật	2.21	Trung bình	
12	0108	ST1432P071	Trần Thị Thu Thảo	24/02/1993	N	ST1432P1	Luật	2	Trung bình	
13	0109	ST1432P126	Quách Thanh Tâm	16/08/1988		ST1432P2	Luật	2.02	Trung bình	
14	0110	ST1432P139	Nguyễn Văn An	20/11/1987		ST1432P3	Luật	2.24	Trung bình	
15	0111	ST1432P159	Nguyễn Minh Đoàn	1985		ST1432P3	Luật	2.44	Trung bình	
16	0112	ST1432P164	Nguyễn Chí Hải	10/06/1990		ST1432P3	Luật	2.17	Trung bình	
17	0113	ST1432P175	Trần Hoàng Kha	12/08/1984		ST1432P3	Luật	2.23	Trung bình	
18	0114	ST1432P192	Nguyễn Thanh Ngoan	01/01/1984		ST1432P3	Luật	2.17	Trung bình	
19	0115	ST1432P220	Liêu Thị Diễm Thúy	24/09/1978	N	ST1432P3	Luật	2.02	Trung bình	
20	0116	ST15V1H541	Nguyễn Thị Thu Hồng	19/06/1986	N	ST15V1H1	Ngôn ngữ Anh	2.4	Trung bình	
1	0117	VC13X7N037	Nguyễn Thị Thùy Linh	09/10/1990	N	VC13X7N1	Quản lý tài nguyên và môi trường	3.02	Khá	
1	0118	VL1032N051	Lê Thanh Khoa	03/11/1992		VL1032N1	Luật	2.15	Trung bình	
2	0119	VL1232N048	Huỳnh Thái Bảo Huy	16/08/1985		VL1232N2	Luật	2.09	Trung bình	
3	0120	VL1232N053	Huỳnh Vương Khánh	07/08/1990		VL1232N1	Luật	2.11	Trung bình	
4	0121	VL1532Q011	Mai Thị Lan Hương	17/10/1988	N	VL1532Q1	Luật	2.47	Trung bình	
1	0122	VT1332N002	Lê Âu Minh Đồng	18/04/1995		VT1332N1	Luật	2.03	Trung bình	

ĐVLK kí nhận

Cần Thơ, ngày.....tháng.....năm 2019
Người giao